

Số: 106 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Kết luận số 36-KL/TW); Kế hoạch số 204-KH/TU 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phổ biến, triển khai sâu rộng Kết luận số 36-KL/TW để nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh về bản chất và các nội dung cốt lõi của công tác bảo đảm an ninh nguồn nước; phát huy tối đa các nguồn lực, quyết tâm đổi mới tư duy và hành động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát mục tiêu Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tổ chức triển khai thực hiện đến cấp ủy, chính quyền các cấp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp, các ngành phải chú trọng công tác phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm nhằm đạt kết quả cao nhất.

b) Xác định các nhóm nhiệm vụ, nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh và địa phương, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

c) Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các Sở, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện nội dung Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Thường xuyên, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo nội dung Kết luận số 36-KL/TW được triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của người dân và sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu của tỉnh; mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến hết năm 2025: Phần đầu đạt tỉ lệ 95% hộ gia đình ở thành thị và 85% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, trong đó giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế.

b) Đến năm 2030: Cân đối đủ nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, 100% hộ gia đình ở thành thị và 95% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình điều tiết, tích trữ nước trên các lưu vực sông, suối; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, không đáp ứng năng lực phòng, chống lũ; bước đầu khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại một số lưu vực sông, suối, hệ thống công trình thủy lợi; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Đến năm 2045: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; bảo đảm 100% hộ gia đình ở thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; chủ động dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, suối, hệ thống công trình thủy lợi; hoàn thiện chính sách về nước đồng bộ, thống nhất, bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

a) Tăng cường tuyên truyền, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới; nâng cao nhận thức của người dân trong công tác bảo đảm an ninh nguồn nước là yêu cầu tất yếu, khách quan, có vai trò quan trọng trong đảm bảo đời sống dân sinh, sự ổn định và phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

b) Tích cực vận động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phát huy vai trò giám sát của người dân, cộng đồng trong bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Phát huy vai trò giám sát, phản biện trong tuyên truyền, vận động nhân dân quản lý, chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định liên quan.

b) Triển khai nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện chính sách nhằm khuyến khích, thu hút mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đa mục tiêu; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi, liên kết, kết nối nguồn nước, cấp nước sinh hoạt, tiêu, thoát nước đô thị, bảo đảm nâng cao năng lực cấp nước, tiêu, thoát nước, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm, đảm bảo an sinh xã hội.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả từ tỉnh đến địa phương, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong đảm bảo an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; tiếp tục rà soát, sắp xếp bộ máy, loại hình đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp trong quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai, xây dựng, giao thông, thủy điện, cấp nước sạch trong tình hình biến đổi khí hậu, tác động từ phát triển ngày càng phức tạp, khó lường.

4. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và điều tra cơ bản

a) Tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của các hoạt động phát triển, đặc biệt là công trình thủy điện, thủy lợi ở các lưu vực sông; tiếp tục triển khai nghiên cứu, xây dựng tầm nhìn, kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cực

đoạn về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước, đặc biệt là giải pháp cho các địa phương khan hiếm nguồn nước như: huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ và các địa phương có nguy cơ cao về an ninh nguồn nước.

b) Tổ chức triển khai, đánh giá, rà soát phương án phát triển thủy lợi, các dự án, công trình có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến nguồn nước và đập, hồ chứa nước trong quy hoạch xây dựng tỉnh, làm cơ sở định hướng phát triển có trọng tâm, trọng điểm, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Tiếp tục triển khai điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá về năng lực kết cấu hạ tầng ngành nước, trữ lượng, chất lượng nguồn nước, kịp thời cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về hồ chứa nước, mức độ bảo đảm an ninh nguồn nước, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, kịp thời giữa các ngành, địa phương, đơn vị liên quan.

5. Nâng cao năng lực tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh

a) Rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại quy mô các ngành, lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều nước. Tăng cường áp dụng các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, tái sử dụng nước; theo dõi, giám sát sử dụng nước để giảm thất thoát, lãng phí nước trong sinh hoạt và sản xuất.

b) Tiếp tục đầu tư xây dựng công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu. Đầu tư khép kín, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, bảo đảm chủ động trữ nước ngọt, điều hòa, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên vùng, phân bổ nước cho các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước sạch nông thôn, đô thị, ưu tiên đầu tư cho khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện giải pháp tích, trữ nước quy mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

c) Điều tra, thống kê lượng nước trữ được vào cuối mùa lũ, đầu mùa cạn hằng năm của các hồ chứa, công trình trữ nước nhằm đảm bảo chủ động trữ nước ngọt, điều hòa, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên vùng, phân bổ nước cho các vùng kinh tế trọng điểm và đáp ứng Quy trình vận hành liên hồ chứa theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

a) Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp chưa đủ khả năng thoát lũ theo thiết kế, trong đó ưu tiên nâng cấp các đập, hồ chứa nước có nguy cơ cao, lưu vực tập trung dòng chảy nhanh.

b) Tiếp tục rà soát, đánh giá lại công năng nhiệm vụ, quy trình vận hành của đập, hồ chứa nước, triển khai nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa theo thiết kế. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập.

7. Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

a) Tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực, bảo đảm sự chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành. Tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, tránh gây sạt lở bờ sông, bãi sông.

b) Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, trạm thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát mặn, động đất và các giải pháp phù hợp theo Luật Khí tượng Thủy văn, Quyết định số 1970/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy định liên quan. Củng cố, nâng cấp đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, thủy điện; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

8. Nâng cao chất lượng nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

a) Đổi mới, nâng cao chất lượng, ứng dụng phát triển vật liệu thân thiện với môi trường, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều tiết nguồn nước; ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước.

b) Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp mới về khoa học và công nghệ để phát triển, tạo nguồn nước, thu, tích trữ, điều tiết, điều hòa, chuyển nước, liên kết nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống hồ, đập và mạng lưới khí tượng thủy văn, động đất; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp.

9. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

a) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là nước thải sinh hoạt, công nghiệp. Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải.

b) Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hóa chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ khai thác nước ngầm ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, sụt lún đất, khu vực đã có nguồn nước máy tập trung.

c) Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn; đẩy nhanh việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái ngập nước quan trọng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện các quy định của tỉnh về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; đề xuất, kiến nghị Trung ương nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, an toàn đập, hồ chứa nước và phòng chống thiên tai.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định liên quan.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai, Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai tổ chức sắp xếp, củng cố năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sắp xếp, củng cố năng lực của các cơ quan, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai trên địa bàn; rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế quy trình vận hành của các đập, hồ chứa nước, nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa theo thiết kế; tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập.

d) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả nội dung quy hoạch thủy lợi trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó chú trọng đầu tư xây dựng công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

miền núi, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu. Đầu tư khép kín, hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, bảo đảm chủ động trữ nước ngọt, điều hòa, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên vùng, phân bổ nước cho các vùng kinh tế trọng điểm. Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước sạch nông thôn, đô thị, ưu tiên đầu tư cho khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện giải pháp tích, trữ nước quy mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

đ) Chủ động đề xuất, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục huy động, ưu tiên nguồn lực đầu tư sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước có nguy cơ rủi ro cao, lưu vực tập trung dòng chảy nhanh, vùng hạ lưu các công trình có nhiều hộ dân sinh sống và các công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng trên địa bàn; đầu tư xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước sạch nông thôn, ưu tiên đầu tư cho khu vực thường xuyên bị thiếu nước như: huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ và các địa phương có nguy cơ cao về an ninh nguồn nước, khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

e) Theo dõi, chỉ đạo và giám sát các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi: Quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo đúng quy trình vận hành, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nguồn nước; hằng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp, giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi, kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn để phục vụ quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước thủy lợi theo thời gian thực; tổ chức xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du các hồ chứa thủy lợi, bổ sung cơ sở cảnh báo ngập lụt trên địa bàn tỉnh; tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi; nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới trạm thủy văn chuyên dùng cho công trình thủy lợi phục vụ vận hành hồ chứa thủy lợi theo thời gian thực.

h) Chủ trì đề xuất và phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh, vật liệu thân thiện với môi trường phục vụ công tác quản lý, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi. Chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ; đẩy mạnh chuyển đổi số để quản lý, vận hành điều tiết hồ chứa nước thủy lợi; ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước, phát triển, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, điều tiết, điều hòa, chuyển nước, liên kết nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống hồ, đập và mạng lưới khí tượng thủy văn; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước

trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp, công nghiệp; thực hiện các cơ chế, chính sách đào tạo, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

i) Theo dõi, tổng hợp tình hình hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ở các địa phương, chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý. Tiếp tục xây dựng theo dõi và giám sát quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa và khai thác nguồn nước công trình khai thác, sử dụng nước; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực.

k) Tham mưu quản lý, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá trữ lượng nguồn nước, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, đánh giá về năng lực kết cấu hạ tầng ngành nước, trữ lượng, chất lượng nguồn nước, kịp thời cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. Điều tra, thống kê lượng nước trữ được vào cuối mùa lũ, đầu mùa cạn hằng năm của các hồ chứa, công trình trữ nước nhằm đảm bảo chủ động trữ nước ngọt, điều hòa, phân phối nguồn nước trong nội tỉnh, liên vùng, phân bổ nước cho các vùng kinh tế trọng điểm và đáp ứng Quy trình vận hành liên hồ chứa theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn nước, mức độ bảo đảm an ninh nguồn nước, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, kịp thời giữa các ngành, địa phương, đơn vị liên quan.

l) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, chú trọng mạng lưới trạm thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát mặn, động đất, sóng thần; tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu về thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu để bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh.

m) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là nước thải sinh hoạt, công nghiệp. Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải. Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan trong vận hành hiệu quả hệ thống hồ chứa thủy điện đảm bảo an ninh năng lượng, kết hợp cấp nước cho sản xuất, dân sinh, bảo đảm an toàn cho công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa thủy điện.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Chủ hồ chứa nước thủy điện rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế quy trình vận hành của các đập, hồ chứa nước, nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa thủy điện theo thiết kế; tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước thủy điện, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập; Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện, kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn để phục vụ quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước thủy điện.

c) Phối hợp tuyên truyền hạn chế sản xuất, sử dụng các loại hóa chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước và giảm thải chất độc hại trong sản xuất kinh doanh có thể gây nguy hại tới chất lượng nước trong môi trường.

3. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm để thực hiện các dự án, thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh và trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công thực hiện các dự án thuộc kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư xây dựng, hoàn thiện công trình cấp, thoát nước sạch đô thị; thực hiện có hiệu quả Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh; tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; giám sát việc sử dụng nước sinh hoạt đô thị để giảm thất thoát, lãng phí nước.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị có liên quan thực hiện có hiệu quả Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án cấp nước sạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, với mục tiêu thực hiện xây dựng, nâng cấp, mở rộng các hệ thống công trình cấp nước sạch, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản các đô thị trên địa bàn tỉnh có hệ thống cấp nước tập trung được khai thác từ nguồn nước mặt đảm bảo về lưu lượng, chất lượng để phục vụ nhu cầu dân sinh và các hoạt động sản xuất,

kinh doanh, phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh; đấu nối nguồn nước từ các công trình cấp nước đô thị để phục vụ người dân khu vực nông thôn.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

d) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, giải pháp xây dựng công trình dân dụng phù hợp với từng vùng, đảm bảo an toàn trước thiên tai, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng xây dựng, thủy lợi, thủy điện, giao thông.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng và thực hiện chương trình trọng điểm về khoa học công nghệ liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; thực hiện các giải pháp khoa học công nghệ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước để thực hiện các mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với các Sở, ngành thực hiện nhiệm vụ cấp nước trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp khác để đạt được mục tiêu của Kế hoạch.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác truyền thông, lồng ghép các chương trình giáo dục về sử dụng nước sạch vào trong dạy học chính khóa và các hoạt động ngoài giờ lên lớp; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan đến chủ đề nước sạch, bảo vệ an toàn nguồn nước trong trường học.

7. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót trong thực hiện các chủ trương, chính sách để tham mưu cho tỉnh, ngành có biện pháp khắc phục; phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân sai phạm trong thực hiện các chương trình, dự án sử dụng tài nguyên nước, cấp nước sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp, nước sạch nông thôn, vi phạm pháp luật về môi trường nước.

b) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan và đơn vị có liên quan tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; đặc biệt các hành vi về đổ rác thải, chất thải, xả nước thải chưa qua xử lý theo quy định vào công trình thủy lợi và xả thải vào nguồn nước gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan lồng ghép trong chương trình phòng thủ dân sự về nội dung tổ chức tập huấn, diễn tập các tình huống khẩn cấp như vỡ đập, ngập lụt, lũ quét, tập trung vào khả năng ứng phó nhanh, cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân cư và bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là những khu vực có nguy cơ cao về mất an ninh

nguồn nước như hồ chứa nước cấp sinh hoạt, vùng hạ du và các công trình thủy lợi lớn.

9. Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai

a) Chủ trì tham mưu trong công tác dự báo, cảnh báo nguồn nước, thiên tai theo thời gian thực, kịp thời cung cấp số liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp tục đầu tư, tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu về thiên tai liên quan đến khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu để bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh.

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành trong việc xây dựng lịch sản xuất và sinh hoạt, hỗ trợ ra quyết định khi cần thiết.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này phù hợp với các điều kiện thực tế của địa phương.

b) Bố trí kinh phí ngân sách theo phân cấp hằng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi quản lý theo quy định. Ưu tiên nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý để đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước đa mục tiêu; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước.

c) Tổ chức thực hiện việc lồng ghép đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật bảo vệ nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước sạch và sử dụng nước sạch trên địa bàn.

đ) Chỉ đạo các đơn vị quản lý vận hành khai thác công trình thủy lợi tổ chức quản lý, khai thác các công trình theo đúng quy trình vận hành, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất để giảm thất thoát, lãng phí; xây dựng kế hoạch tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.

e) Định kỳ hằng năm, 05 năm sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch tại địa phương, báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết

quả thực hiện, trong đó nêu rõ những nội dung công việc đã hoàn thành, nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ, xử lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, xử lý theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL;
- Khu Bảo tồn TN-VH Đồng Nai;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH-NC, KTN.

(Khoa/trienkhaiKH204/19.3-177)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng